

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Kèm theo Giấy phép môi trường số...02.../ GPMT-KKT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh do quá trình sinh hoạt của công nhân tại dự án.
- Nguồn số 02: Nước rửa xe phát sinh từ các xe vận chuyển rác trước khi ra khỏi bãi chôn lấp.
- Nguồn số 03: Nước rỉ rác từ ô chôn lấp phát sinh trong quá trình phân hủy và một phần do nước mưa chảy tràn.
- Nguồn số 04: Nước thải phát sinh từ sân phơi bùn.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Suối thoát nước tự nhiên tại khu vực.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Địa chỉ: Xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa.
- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi giờ 3°):

STT	Vị trí	X (m)	Y (m)
1	Điểm cuối của đường ống dẫn nước thải sau xử lý	1410928	610452

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $100 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải: Nước thải sau xử lý theo đường ống dẫn nước thải uPVC D220 và uPVC D168 tự chảy ra suối thoát nước tự nhiên tại khu vực.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 25:2009/BTNMT (Cột B2) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải của bãi chôn lấp chất thải rắn, cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
1	BOD ₅	mg/l	50	03 tháng/lần (*)	Không thuộc đối tượng
2	COD	mg/l	300		
3	Tổng nitơ	mg/l	60		
4	Amoni tính theo N	mg/l	25		

(*) Tần suất quan trắc nước thải định kỳ được thực hiện theo cam kết của Chủ dự án.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 01: Được xử lý qua bể tự hoại (gồm 03 buy bê tông có đường kính mỗi buy là 1m; cao 1,5m) và theo đường ống uPVC D90 dẫn về hố thu 1 của Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 02: Được xử lý qua hố tách cặn, dầu mỡ (có kích thước 4m×1,8m×1,6m) và theo đường ống uPVC D200 dẫn về hố thu 1 của Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 03: Theo đường ống HDPE DN200 chạy dọc ở giữa ô chôn lấp rác dẫn về hố thu 1 của Hệ thống xử lý nước thải.

- Nước thải phát sinh từ nguồn số 04: Theo đường ống uPVC DN100 dẫn về hố thu 2 của Hệ thống xử lý nước thải.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ Hệ thống xử lý nước thải công suất 100m³/ngày đêm:

Nước thải → Hố thu 1 → Hồ chứa nước rỉ rác → Hố thu 2 → Bể trộn vôi/ tạo bông → Bể lắng vôi → Tháp stripping → Bể keo tụ lắng → Hồ xử lý sinh học → Hồ lắng sinh học → Bãi lọc trồng cây → Bể khử trùng → Suối thoát nước tự nhiên tại khu vực.

- Công suất thiết kế: 100m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, polymer, NaOH, H₂SO₄, vôi sữa, chlorine.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản

2 điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi theo khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải:

- Biện pháp phòng ngừa:

+ Niêm yết quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải tại khu vực xử lý; bố trí nhân viên có nghiệp vụ vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình.

+ Có sổ vận hành và ghi chép đầy đủ thông tin trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

+ Lắp đặt dự phòng các thiết bị động lực dễ bị hư hỏng do nguồn điện và chế độ vận hành (các loại bơm chìm, bơm định lượng, máy thổi khí, máy nén khí); dự trữ thiết bị thay thế cho dây chuyền xử lý nước thải.

+ Định kỳ bảo dưỡng thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải; hệ thống thu gom, thoát nước thải.

+ Ưu tiên cho việc khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải.

+ Trường hợp mạng lưới điện trong khu vực bị mất phải cho vận hành ngay máy phát điện dự phòng để kịp thời đưa hệ thống vào vận hành trở lại.

- Quy trình ứng phó sự cố:

+ Khi hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, chất lượng nước thải sau xử lý không đạt quy chuẩn, nước thải được bơm về 02 hồ chứa nước rỉ rác để lưu chứa tạm thời (*Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài, hệ thống lưu chứa không đảm bảo cho việc lưu chứa nước thải trong quá trình khắc phục sự cố, phải dừng hoạt động tiếp nhận rác thải trong khi tiến hành sửa chữa hệ thống xử lý nước thải*).

+ Tiến hành sửa chữa hệ thống xử lý nước thải.

+ Khi hệ thống xử lý nước thải được sửa chữa đạt yêu cầu, nước thải được bơm ngược về hồ thu để bắt đầu lại quy trình xử lý.

+ Tiến hành kiểm tra chất lượng nước thải sau xử lý. Khi nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn sẽ tiến hành mở van xả nước thải ra môi trường. Trong mọi trường hợp, nước thải sau xử lý phải đảm bảo đạt quy chuẩn cho phép trước khi được thải ra môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng (từ 01/3/2025 đến 01/6/2025) (*Sau khi đã hoàn thành tất cả các hạng mục công trình bảo vệ môi trường theo quy định*)

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 100 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Nước thải đầu vào: tại hồ thu 02 (vị trí nước thải đầu vào của 04 nguồn nước thải tại mục 1 Phần A Phụ lục này).

- Nước thải đầu ra: sau bể khử trùng.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Chủ dự án phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng nước thải, đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý nước thải theo giới hạn cho phép quy định tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa hoàn toàn riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải; thu gom, xử lý nước thải bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 Phần A của Phụ lục này trước khi thải ra môi trường; điểm xả nước thải sau xử lý phải có biển báo, ký hiệu rõ ràng, thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát xả thải theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 87 Luật Bảo vệ môi trường; kiểm soát chặt chẽ mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước mưa và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

3.2. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.3. Trong quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, thực hiện đầy đủ các trách nhiệm theo quy định tại khoản 7, khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP). Trường hợp có thay đổi kế hoạch vận hành thử nghiệm theo Giấy phép môi trường đã được cấp, thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định 05/2025/NĐ-CP).

3.4. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc chất thải, phân định chất thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải đến Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong và Sở Tài nguyên và Môi trường trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm.

3.5. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả công trình xử lý nước thải; đầu tư đầy đủ trang thiết bị, máy móc để ứng phó trong trường hợp hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố.

3.6. Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu xả nước thải ra môi trường khi chưa đảm bảo đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường theo quy định.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...02.../ GPMT-KKT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01: Khu vực ô chôn lấp rác.
- Nguồn số 02: Khu vực nhà chứa thiết bị và máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 03: Khu vực tháp stripping.
- Nguồn số 04: Khu vực máy thổi khí của hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $108^{\circ}15'$, múi chiều 3°):

- Nguồn số 01: X(m) = 1410986; Y(m) = 610372.
- Nguồn số 02: X(m) = 1410953, Y(m) = 610329.
- Nguồn số 03: X(m) = 1410964, Y(m) = 610319.
- Nguồn số 04: X(m) = 1410944, Y(m) = 610314.

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép, dBA		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại mục 3 phần A Phụ lục này.
- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị để đảm bảo động cơ hoạt động ổn định.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ
SỰ CÓ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số.../GPMT-KKT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên:

STT	Loại chất thải	Mã chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	5
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	5
3	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	18 02 01	10
4	Bao bì mềm thải	14 01 05	10
5	Bao bì cứng thải	14 01 06	10
6	Dầu thải từ thiết bị tách dầu/ nước	17 05 04	180
	Tổng khối lượng		220

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: 146.000 kg/năm.
- Bùn cặn, rác thải từ hệ thống thu gom, thoát nước mưa: 360 kg/năm.
- Bùn cặn (không bao gồm dầu mỡ thải) từ hồ tách cặn dầu mỡ: 300 kg/năm.

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 2,555 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: các thùng có nắp đậy và dán nhãn, đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- 01 kho lưu chứa chất thải nguy hại.

+ Diện tích: 13 m².

+ Thiết kế, cấu tạo: mặt sàn bảo đảm kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín cho toàn bộ khu vực; đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi có sự cố rò rỉ, đổ tràn; có dán nhãn, biển cảnh báo và các thiết bị ứng phó sự cố đảm bảo theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng chứa bằng nhựa HDPE có dung tích 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn.

2.2.2. Kho lưu chứa: Không bố trí.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa: 03 thùng chứa bằng nhựa HDPE có dung tích 120 lít, có nắp đậy kín, dán nhãn.

2.3.2. Kho lưu chứa: Không bố trí.

2.4. Yêu cầu bảo vệ môi trường khác đối với việc lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đảm bảo đáp ứng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

3. Hoạt động tự xử lý chất thải:

- Khối lượng chất thải tự xử lý:

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân: 2.555kg/năm.

+ Bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải: 146.000 kg/năm.

+ Bùn cặn, rác thải từ hệ thống thoát nước mưa: 360kg/năm.

+ Bùn cặn (không bao gồm dầu mỡ thải) từ hố tách cặn, dầu mỡ: 300 kg/năm.

- Quy trình tự xử lý: chôn lấp cùng với chất thải rắn sinh hoạt tại bãi chôn lấp của dự án theo quy trình chôn lấp tại mục 1.6 Điều 1 của Giấy phép này.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Thực hiện các biện pháp chống thấm, chống sụt lún nền móng ô chôn lấp, đảm bảo hệ thống an toàn và không ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định. Nội dung kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phải phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong giấy phép môi trường.

Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; tổ chức công khai kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định tại khoản 3 Điều 110 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.



Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số...02.../ GPMT-KKT ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án cải tạo phục hồi môi trường:

1.1. Phạm vi cải tạo, phục hồi môi trường:

Cải tạo, phục hồi môi trường ô chôn lấp có diện tích 8.000m².

1.2. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

1.2.1. Cải tạo ô chôn lấp:

Biện pháp đóng cửa ô chôn lấp, cải tạo phục hồi môi trường được thực hiện theo trình tự sau:

- Lớp đất pha sét dày 0,6m, có hàm lượng sét > 30% đảm bảo độ ẩm tiêu chuẩn và được đầm nén cẩn thận.
- Lớp màng HDPE (được bảo vệ cả 2 mặt bởi lớp nền ở cả trên và dưới; màng có độ dày tối thiểu 2 mm, có độ dốc tối thiểu 3%).
- Lớp đệm đất thành phần phổ biến là cát dày 0,6m.
- Lớp đất trồng dày 0,3m được sử dụng để trồng cỏ nhằm tạo thảm thực vật.

1.2.2. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải:

Duy trì hoạt động của hệ thống thu gom và xử lý nước thải cho đến khi nước thải hết phát sinh.

1.2.3. Hệ thống thu gom khí rác:

Lắp đặt 05 ống thu khí, mỗi ống dài 15m.

1.2.4. Duy tu, cải tạo hệ thống thoát nước mưa:

Tiến hành nạo vét hệ thống thoát nước mưa.

1.2.5. Duy tu, cải tạo hệ thống đường giao thông nội bộ

Duy tu tuyến đường đất nội bộ tại khu vực bãi chôn lấp.

1.2.6. Lắp đặt biển báo, chỉ dẫn an toàn hướng vào bãi rác:

Lắp đặt các 02 biển cảnh báo, ghi rõ khu vực không phận sự cấm vào.

2. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Công trình	Đơn vị	Khối lượng
1	Phủ đất	m ³	12.000
2	Phủ vải HDPE 2mm	m ²	8.000

STT	Công trình	Đơn vị	Khối lượng
3	Trồng cỏ vetiver	m ²	8.000
4	Vận hành hệ thống xử lý nước thải	m ³ /ngày đêm	100
5	Lắp đặt hệ thống thu gom khí rác	m	75
6	Duy tu, cải tạo đường giao thông nội bộ	m ²	880
7	Duy tu, nạo vét bùn từ hệ thống thoát nước mưa	m ²	2.756,9
8	Lắp đặt biển báo, chỉ dẫn an toàn hướng vào bãi rác	cái	02

3. Kế hoạch thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường

- Trước khi bắt đầu tiến hành đóng ô chôn lấp, chủ xử lý chất thải phải gửi thông báo tới Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường về thời gian đóng cửa ô chôn lấp để được theo dõi, quan sát.
- Thực hiện hoạt động cải tạo phục hồi môi trường ngay sau khi đóng cửa ô chôn lấp theo đúng quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.
- Thời gian dự kiến thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong thời gian 06 tháng kể từ ngày gửi thông báo tới Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường về thời gian đóng cửa ô chôn lấp.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC: Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

1. Theo Quyết định số 1672/QĐ-UBND ngày 09/06/2022 của UBND tỉnh Khánh Hòa về phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Hệ thống xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại Suối Hàng, xã Vạn Khánh” tại thôn Suối Hàng, xã Vạn Khánh, huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa, các hạng mục công trình Chủ dự án sẽ tiếp tục thực hiện sau khi cấp giấy phép môi trường, bao gồm:

- Hồ chứa nước rỉ rác số 02.
- Khu chứa vật liệu phủ tạm thời và phế liệu.
- Khu sửa xe, cơ điện và chứa dụng cụ.
- Đường nội bộ, cảnh quan, cây xanh.

2. Sau khi hoàn thành việc xây dựng các hạng mục công trình trên, Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong để được xem xét, hướng dẫn thực hiện các thủ tục trước khi đưa dự án đi vào hoạt động chính thức.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý toàn bộ lượng nước thải, chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về bảo vệ môi trường.
2. Đảm bảo việc phân định, phân loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
3. Đảm bảo việc bố trí dải cây xanh cách ly đáp ứng theo QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng.
4. Thực hiện việc nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật hiện có tốt nhất (đối với ít nhất một hoạt động hoặc công đoạn sản xuất) theo lộ trình được quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi theo khoản 22 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).
5. Chỉ được tiếp nhận chất thải rắn sinh hoạt để chôn lấp không vượt quá công suất 59 tấn/ngày; công suất chứa tối đa của ô chôn lấp không vượt quá 80.000 m³. Trước khi tiến hành xây dựng ô chôn lấp số 02, phải thực hiện các thủ tục pháp lý về bảo vệ môi trường theo đúng quy định pháp luật hiện hành.
6. Kiểm soát khí thải, mùi hôi phát sinh tại bãi chôn lấp, đảm bảo chất lượng môi trường không khí xung quanh luôn đạt giới hạn cho phép theo QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.
7. Thực hiện công khai thông tin về giấy phép môi trường trên trang thông tin điện tử của Chủ dự án hoặc tại trụ sở UBND xã Vạn Khánh (nơi thực hiện dự án) theo quy định tại Điều 114 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 102 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, thời điểm công khai chậm nhất là 10 ngày sau khi được cấp giấy phép môi trường.
8. Tổ chức thực hiện việc báo cáo công tác bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT; gửi kết quả báo cáo định kỳ về Ban quản lý Khu kinh tế Vân Phong, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Vạn Ninh với thời hạn là trước ngày 15 tháng 01 của năm tiếp theo.
9. Trường hợp các văn bản pháp luật áp dụng tại Giấy phép môi trường được điều chỉnh, bổ sung hoặc thay thế thì Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện theo quy định pháp luật mới ban hành.